

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 02-10-2019.
“V/v Ly hôn giữa chị Nguyễn Phúc
H và anh Nguyễn Quốc T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Kiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trên.
2. Bà Võ Kim Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Xuân - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2019/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 5 năm 2019, về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 11 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Phúc H, sinh năm 1997; địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Chị H có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 27B ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Anh T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 4 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Phúc H trình bày: Chị H và anh Nguyễn Quốc T cưới nhau năm 2017 thông qua mai mối, đến ngày 25 tháng 7 năm 2017 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Chị H và anh T chung sống hạnh phúc được 15 (mười lăm) ngày, sau đó phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 8 năm 2017 đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không phù hợp do chưa tìm hiểu rõ về nhau trước khi cưới nên dẫn đến việc vợ chồng sống

chung không hạnh phúc. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Quốc T. Quá trình sống chung, vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Quốc T không có ý kiến cũng như không có mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Kiểm sát viên cho rằng, căn cứ vào tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Phúc H và anh Nguyễn Quốc T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử cho ly hôn giữa chị H và anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Nguyễn Phúc H xin ly hôn anh Nguyễn Quốc T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị H và anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh T có địa chỉ cư trú tại số 27B ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với anh T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh T vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T là phù hợp với quy định của điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Việc chị Nguyễn Phúc H và anh Nguyễn Quốc T đăng ký kết hôn vào 25 tháng 7 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 55/2017, đã tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án công nhận là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, chị H và anh T đã không làm được điều đó, sau một thời gian ngắn chung sống, chị H và anh T đã bắt đầu xảy ra bất đồng về quan điểm sống, mỗi người chỉ lo cho cuộc sống riêng của mình. Chị H cho rằng do tính tình vợ chồng

không hợp nhau, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không phù hợp vì chưa tìm hiểu rõ về nhau trước khi cưới nên dẫn đến việc vợ chồng sống chung không hạnh phúc. Thời gian xa nhau đã hơn 01 năm, nhưng không ai tới lui để quan tâm, thăm hỏi nhau.

Vào năm 2017, chị H đã khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Quốc T tại Tòa án, nhưng sau đó chị H đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh T. Chị H cho rằng lý do mà chị H rút yêu cầu khởi kiện là do chị H bị chị ruột của anh T và anh T hành hung và hăm dọa nên vì sợ mà rút yêu cầu khởi kiện để về đoàn tụ với anh T. Nhưng sau đó, chị H và anh T không gặp nhau để hàn gắn tình cảm và đoàn tụ gia đình mà anh T tiếp tục điện thoại hăm dọa và dùng lời lẽ thô tục để xúc phạm chị H và gia đình chị H.

Khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh T. Và anh T cũng được thông báo toàn bộ nội dung yêu cầu của chị H trong vụ án này. Nhưng anh T không có phản hồi ý kiến và cũng không đến Tòa án để giải quyết vụ án dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, điều đó cho thấy anh T không quan tâm đến cuộc hôn nhân này và cũng không có thiện chí đoàn tụ để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình. Từ những nhận định trên cho thấy quan hệ hôn nhân của chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét thấy, yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Do chị Nguyễn Phúc H và anh Nguyễn Quốc T không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản: Do chị Nguyễn Phúc H và anh Nguyễn Quốc T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Do chị Nguyễn Phúc H và anh Nguyễn Quốc T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Phúc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 96; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Phúc H và anh Nguyễn Quốc T.

2. Về nuôi con chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Chị Nguyễn Phúc H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BH/2018/0000272 ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L (Chị H đã nộp đủ án phí).

Chị Nguyễn Phúc H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Quốc T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho anh T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- CC.THADS huyện L;
- UBND xã L;
- (GCNKH số 55/2017 ngày 25/7/2017)
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Kiến